

Bản án số: 28/2020/DS-ST

Ngày: 14-9-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhân Phái và ông Nguyễn Đức Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Đinh Thanh Tâm, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2020/TLST-DS ngày 26/6/2020, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-DS ngày 13/8/2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Đ. Địa chỉ: Phường B, quận N, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Hoàng Đại D - Giám đốc Ngân hàng Đ - Chi nhánh Thừa Thiên Huế.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Ngọc L, chức vụ: Phó phòng phát triển kinh doanh Ngân hàng Đ - Chi nhánh Thừa Thiên Huế (Văn bản ủy quyền ngày 04/8/2020). Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ 2.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn K, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn Ngân hàng Đ trình bày:

Ngày 10/10/2016, Ngân hàng Đ và Hội phụ nữ xã L ký hợp đồng liên kết số T0056-16/HĐLK để cho Hội viên Hội phụ nữ xã L vay vốn. Ngày 22/11/2016, chị Nguyễn Thị B vay của Ngân hàng Đ số tiền 20.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 0159804101T16009 ngày 22/11/2016, lãi suất: 10,2%/năm; thời hạn vay: 24 tháng; mục đích cho vay bổ sung vốn kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: Tín chấp.

Trong quá trình vay, từ ngày 22/11/2016 đến ngày 30/6/2019, chị B chỉ trả được 13.603.600đ tiền vốn; 3.461.400đ lãi trong hạn. Tổng cộng 17.065.000đ. Do chị Nguyễn Thị B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 31/7/2019, Ngân hàng Đ đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng nhiều lần có thông báo cho chị B về việc thanh toán nợ nhưng chị B vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Ngày 22/5/2020, Ngân hàng khởi kiện buộc chị B thanh toán số nợ còn lại.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

Bản sao giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 15/11/2016; bản sao danh sách cho vay trả góp giải ngân bằng tiền mặt ngày 22/11/2016; bản sao bảng dự tính theo Rule78; sao kê hoạt động của khách hàng vay ngày 22/5/2020; bản sao hợp đồng liên kết số T0056-16/HDLK ngày 10/10/2016; bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần; bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; bản sao các quyết định về việc ủy quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập; các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại biên bản xác minh ngày 04/8/2020, Ủy ban nhân dân xã L cho biết bị đơn không có mặt tại thôn X, xã L, huyện P, hiện tại đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ. Các văn bản tố tụng của Tòa án (gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) xã L đã nhận nhưng không tổng đạt được cho bị đơn nên đã tiến hành niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật.

Do không hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 28/8/2020, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 14/9/2020 đồng thời tiến hành niêm yết công khai quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho đương sự nhưng chị B, anh K vẫn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/9/2020 là 9.387.135đ; trong đó nợ gốc 6.396.400đ, lãi trong hạn 618.600đ, lãi quá hạn 2.372.135đ và tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi chị B trả hết nợ cho Ngân hàng.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung:

Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 282, 357, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền 9.387.135đ; trong đó gồm nợ gốc 6.396.400đ, lãi trong hạn 618.600đ, lãi quá hạn 2.372.135đ và tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi chị B trả hết nợ cho Ngân hàng. Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thời hiệu khởi kiện, tư cách tham gia tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Sau khi nhận tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo hợp đồng tín dụng số 0159804101T16009 ngày 22/11/2016 người trực tiếp ký hợp đồng vay vốn là chị Nguyễn Thị B, bởi vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị B trả nợ nên chị B được xác định là bị đơn. Đối với anh K có ký tên bảo lãnh trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ nên Tòa án xác định anh K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng Đ đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ chị B theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng và tại các giấy nhận nợ. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án không tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nguyên nhân là do chị B, anh K không có mặt, thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết về địa chỉ, nơi cư trú mới. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết chị B, anh K đã đi khỏi địa phương, hiện không có tin tức, địa chỉ nơi cư trú mới.

Căn cứ vào Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì “Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”.

Do việc tổng đạt trực tiếp không thực hiện được nên Tòa án đã niêm yết công khai các thủ tục tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết

định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đều vắng mặt tại các phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 22/11/2016, giữa Ngân hàng Đ và chị Nguyễn Thị B đã ký kết ký hợp đồng vay vốn. Theo đó, Ngân hàng cho chị B vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0159804101T16009 ngày 22/11/2016. Mặc dù mục đích vay vốn được ghi trong hợp đồng là bổ sung vốn kinh doanh nhưng trên thực tế bị đơn không có đăng ký kinh doanh, số tiền vay không lớn, chủ yếu sử dụng phục vụ sinh hoạt gia đình nên xác định đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng. Xét thấy hợp đồng vay vốn hai bên đã ký kết là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật về nội dung lẫn hình thức nên có hiệu lực pháp luật.

Sau khi vay vốn, chị Nguyễn Thị B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/9/2020 là 9.387.135đ; trong đó nợ gốc 6.396.400đ, lãi trong hạn 618.600đ; lãi quá hạn 2.372.135đ và tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi chị B trả hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 469.357đ (9.387.135đ x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 280, 282, 357, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Đ. Buộc chị Nguyễn Thị B phải trả cho Ngân hàng Đ số tiền còn nợ là 9.387.135đ; trong đó nợ gốc 6.396.400đ, lãi trong hạn 618.600đ, lãi quá hạn 2.372.135đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/9/2020), chị Nguyễn Thị B còn phải trả cho Ngân hàng Đ số tiền lãi quá hạn phát sinh của

số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Đ thì lãi suất mà chị Nguyễn Thị B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Nguyễn Thị B phải chịu 469.357đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng Đ 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009583 ngày 26/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T.T-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA